



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Bến Tre*

Số 01

Ngày 06 tháng 01 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

26-12-2019 Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2020. 2

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

06-01-2020 Công văn số 04/HĐND-VP v/v đính chính Nghị quyết số 56/NQ-HĐND và Nghị quyết số 57/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. 6

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2019/QĐ-UBND

*Bến Tre, ngày 26 tháng 12 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2020**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4642/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất (hệ số k) trong năm 2020 để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh**

Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 3 Quyết định này được nhân (x) với giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để xác định nghĩa vụ tài chính trong các trường hợp sau:

1. Xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng khi:

a) Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất.

b) Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

đ) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

e) Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất. Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có lợi thế, khả năng sinh lợi thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm.

**2. Xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền thuê đất trong các trường hợp:**

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản khai thác khoáng sản; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật

đất đai; tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất; Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản).

d) Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh thương mại và dịch vụ thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm.

### **Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất**

Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều này được áp dụng chung cho đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Hệ số điều chỉnh</b>	<b>Địa bàn áp dụng (huyện, thành phố)</b>
01	1,35	Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú
02	1,40	Ba Tri, Bình Đại, Châu Thành, thành phố Bến Tre

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Trọng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/HĐND-VP

Bến Tre, ngày 06 tháng 01 năm 2020

V/v đính chính Nghị quyết số  
56/NQ-HĐND và Nghị quyết số  
57/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua Nghị quyết số 56/NQ-HĐND về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020 và Nghị quyết số 57/NQ-HĐND về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020. Do sơ suất trong khâu đánh máy nên thông tin về ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 02 nghị quyết nêu trên chưa chính xác; nay Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre đính chính như sau:

1. Tại đoạn thứ 2, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND đính chính nội dung: “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua*” thành “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua*”.

2. Tại đoạn thứ 2, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND đính chính nội dung: “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ*

*họp thứ 14 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua” thành: “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua”.*

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre kính báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thường trực Tỉnh ủy để theo dõi, gửi đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan để biết. Rất mong quý cơ quan, quý đại biểu thông cảm và thiếu sót trên./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Yến Nhi**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường 3, thành phố Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: [congbaobentre@bentre.gov.vn](mailto:congbaobentre@bentre.gov.vn);

Website: [congbao.bentre.gov.vn](http://congbao.bentre.gov.vn)